

MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1. Vị trí địa lý.....	Error! Bookmark not defined.
2. Địa hình.....	Error! Bookmark not defined.
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu.....	Error! Bookmark not defined.
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	Error! Bookmark not defined.
5. Hiện trạng Dân số	Error! Bookmark not defined.
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	Error! Bookmark not defined.
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	Error! Bookmark not defined.
B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH..6	
1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	6
2. Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa.....	Error! Bookmark not defined.
3. Lịch sử thiên tai/BĐKH.....	7
4. Nhóm dễ bị tổn thương	7
5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng.....	8
6. Đánh giá hiện trạng nhà ở.....	Error! Bookmark not defined.
7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH...	Error! Bookmark not defined.
8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	Error! Bookmark not defined.
9. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH ..	Error! Bookmark not defined.
10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH	Error! Bookmark not defined.
11. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH	Error! Bookmark not defined.
12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng	Error! Bookmark not defined.
13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh	Error! Bookmark not defined.
14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Error! Bookmark not defined.
15. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai.....	Error! Bookmark not defined.
C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH	13
1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	13
2. Kết quả đánh giá về nhà ở.....	14
3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường	15
4. Kết quả đánh giá về y tế.....	16
5. Kết quả đánh giá về giáo dục.....	16
6. Kết quả đánh giá về rừng.....	17

7.	Kết quả đánh giá về trồng trọt.....	18
8.	Kết quả đánh giá về chăn nuôi.....	19
9.	Kết quả đánh giá ngành thủy sản	20
10.	Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch	22
11.	Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác	22
12.	Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	23
13.	Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	24
14.	Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương.....	26
D.	TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP	26
1.	Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH....	Error! Bookmark not defined.
2.	Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai,.thích ứng với biến đổi khí hậu.....	Error! Bookmark not defined.
E.	PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	36

Số: 01 /BC- NHTKT

Phổ An, ngày 08 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
Xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF

A. GIỚI THIỆU CHUNG:

1. Vị trí địa lý

Ranh giới hành chính được xác định như sau: Phía Bắc giáp xã Đức Phong, huyện Mộ Đức; Phía Đông giáp Biển Đông; Phía Tây giáp xã Phổ Văn, Phổ Thuận huyện Đức Phổ và xã Đức Lân, huyện Mộ Đức; Phía Nam giáp xã Phổ Quang; cách trung tâm huyện Đức Phổ 30km;

2. Địa hình:

Xã Phổ An là xã đồng bằng ven biển có Diện tích tự nhiên: 1827,17 ha, chiếm: 4.87 % diện tích tự nhiên toàn huyện. Địa hình phân chia thành 2 vùng rõ rệt, vùng đồng bằng nằm ở phía Tây có địa hình tương đối bằng độ dốc nhỏ, chạy dọc theo dòng sông Thoá thuận lợi cho việc trồng lúa; vùng gò đồi nằm về phía Đông tiếp giáp với biển thuận lợi cho việc đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Nhìn chung xã Phổ An có khí hậu thời tiết, đất đai thổ nhưỡng và nguồn nước thuận lợi cho phát triển sản xuất nông lâm nghiệp

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	25,2 ⁰ C.		Tăng 1,9 ⁰ C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	40,5	6,7	Tăng thêm khoảng 1,6-2,4 ⁰ C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	15	12,01	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8 ⁰ C
4	Lượng mưa Trung bình	Mm	1,900mm	Tập trung chủ	Tăng thêm khoảng 25.1 mm

				yếu tháng 9,10,11	
--	--	--	--	-------------------------	--

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm			x	
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Vd: 0,86% diện tích - 514.080ha
	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				

5. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Hội An 1	765	56	89	3213	1587	1626
2	Hội An 2	355	18	59	3190	1603	1587
3	An Thạnh	815	68	116	3125	1552	1573
4	An Thổ	798	57	157	1565	770	793
Tổng		2.733	199	421	11.093	5512	5579

6. Hiện trạng sử dụng đất đai¹

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1.826,74
1	Đất Nông nghiệp	1.373,82
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	1.041,65
1.1.1	Đất trồng lúa	384,71
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	615,90
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	

¹ Phân loại theo luật đất đai 2013

1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	41,04
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	301
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ (rừng trên cát)	301
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	31,17
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	0
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	31,17
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	363,62
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	85,82
	Số % nữ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	-Đất nông nghiệp:	98
	-Đất ở :	99,5

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế:

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ
1	Trồng trọt	4,6%	2.000	1.007,2(ha)
2	Chăn nuôi	4,2%	520	10tr/hộ/năm
3	Nuôi trồng thủy sản	9,8%	200	31,17(ha)
4	Chế biến hải sản	0	0	0
5	Đánh bắt hải sản	47%	612	7.000(tấn)
5	Sản xuất tiêu thủ công nghiệp: (Đa lưới, làm đá...)	10%	200	65triệu VND/năm
6	Buôn bán	12,4%	488	82triệu VND/năm
7	Du lịch	0	0	(triệu VND/năm)
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	12%	420	80triệu VND/năm

B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



Phở An có phía Bắc giáp xã Đức Phong, huyện Mộ Đức; Phía Đông giáp Biển Đông; Phía Tây giáp xã Phở Văn, Phở Thuận huyện Đức Phổ và xã Đức Lĩnh, huyện Mộ Đức; Phía Nam giáp xã Phở Quang; Phở An phải chịu tác động của các loại hình thiên tai như: lũ, lụt, ảnh hưởng của bão và hạn hán.

- Khi mưa to kéo dài, nước thượng nguồn về nước dâng lên rất nhanh gây nên lũ nước dâng lên rất nhanh, bất ngờ: các vùng có nguy cơ các hộ vùng trũng của 4 thôn: Hội An 1, Hội An 2, An Thổ, An Thạch;

- Mưa dài ngày hàng tháng gây nên lụt, nước dâng lên từ từ, nước rút rất chậm (địa phương gọi là nước ngập đồng Lau); thời gian ngập nước cả tháng gây thiệt hại về hoa màu, trang thiết bị gia đình, ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống của người dân; Các khu vực bị ảnh hưởng chủ yếu là An Thạch, Hội An 1, Hội An 2;

Ngoài ra Phở An còn chịu ảnh hưởng của bão, hạn hán; Do tác động của BĐKH gần 300ha trồng hoa màu trước đây hiện nay đã bị hoang hóa không có khả năng cải tạo để trồng hoa màu được; một số hộ đã tự ý trồng cây keo

1. Tóm tắt sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai:

STT	Loại Thiên tai ² /BĐKH ³ phổ biến (Bão, Lũ, Hạn)	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ/Cấp độ thiên tai cao nhất đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
-----	--	----------------------------------	--	--

² Các loại hình thiên tai theo Luật PCTT: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác

³ Biểu hiện biến đổi khí hậu bao gồm nhiệt độ trung bình tăng lên, nước biển dâng, lượng mưa và thiên tai thay đổi về tần suất, mức độ trầm trọng và thời gian xảy ra trong thời gian dài

1	Lũ	- An Thạch - Hội An 1 - Hội An 2 - An Thổ	-Mức độ cao	Xảy ra đột ngột, nước dâng lên nhanh, xu hướng xảy ra thất thường khó dự đoán
2	Lụt	- An Thạch - Hội An 1 - Hội An 2 - An Thổ	Mức độ cao	-Mưa kéo dài hàng tháng nước dâng lên từ từ; -Xu hướng 2-3 năm lại xảy ra lụt
3	Bão (ảnh hưởng của bão)	- An Thạch - Hội An 1 - Hội An 2 - An Thổ	Mức độ trung bình	Nước dâng lên nhanh
4	Hạn hán	- An Thạch - Hội An 1 - Hội An 2 - An Thổ	Mức độ thấp	Nắng nóng kéo dài

2.Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
11/2013	Lũ, lụt	Thôn An Thạch, Hội An 2, An thổ, Hội An 1	1.Nhà bị thiệt hại	03 nhà
			2. Nhà bị ngập	450 nhà
			2.Số km đường giao thông bị chia cắt gồm 6 tuyến	8km
			3.Số ruộng bị thiệt hại: 5ha ruộng bị vùi lấp;18ha màu bị thiệt hại hoàn toàn	23ha
			4.Số ao hồ bị thiệt hại;	2ha
			5. 30% cây ăn quả bị thiệt hại	30%
			6. Trôi ướt lương thực, vật dụng gia đình bị hư hỏng	0,5 tấn lương thực
			7.Gia súc, gia cầm bị chết, trôi	2.000
Ước tính thiệt hại:				
2015, 2016	Mưa kéo dài, nước dâng lên từ từ (ngập nước đồng lau)	Toàn xã	1.Nhà bị ngập	600 nhà
			2.Lúa bị ướt, trôi	5 tấn
			3.Cơ sở xay xát lúa bị ngập hư hỏng máy, móc	0
			4.Hoa màu bị thiệt hại	60ha
			5.Gia súc, gia cầm bị chết, trôi	1.000 con
			...	
			Ước tính thiệt hại	

Ghi chú: Trong 10 năm trở lại đây bão không đổ bộ trực tiếp vào Phố An; địa phương thường bị ảnh hưởng do mưa to trước hoặc sau khi bão đổ bộ vào đất liền nên có các trận lũ,lụt lịch sử gây thiệt hại về nhà cửa tài sản, hoa màu của người dân; Riêng về hạn cũng thường xảy ra nhưng chưa có những thiệt hại lớn thành lịch sử;

3.Nhóm dễ bị tổn thương:

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương												
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa		Người bị bệnh hiểm nghèo	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Hội An 1	163	389	195	542	15	182	192	22	56	0	0	0	1
2	Hội An 2	74	150	67	264	7	59	116	29	40	0	0	0	0
3	An Thạnh	158	312	292	477	13	197	270	38	63	0	0	0	1
4	An Thổ	167	306	287	495	15	195	260	26	52	0	0	1	1
	Tổng cộng	562	1.157	841	1.778	50	633	833	115	211	0	0	1	3

* Phụ nữ có thai và đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi

4. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trường mầm non (3 điểm trường)	Phòng	16	Cao	2017	Thấp
2	Trường học tiểu học (2 điểm trường)	Phòng	18	Cao	2000	Thấp
3	Trường THCS	Phòng	14	Cao	1999	Thấp
4	Trạm y tế/ Phòng khám	Phòng	12	Cao	2007, 2017	Thấp
5	Đường điện	Km	39,677	Trung bình		Thấp
6	Đường giao thông	Km	53,619	Trung bình		Trung bình
6.1	Đường liên xã	Km	12,376	Trung bình		Trung bình
6.2	Đường Liên thôn	Km	11,872	Trung bình	2016, 2017	Cao
6.3	Đường giao thông ngõ xóm	Km	23,481	Trung bình		Cao
6.4	Đường nội đồng		5,89	Thấp	2016, 2017	Cao
7	Trụ sở UBND	Phòng	30	Cao	2012	Thấp
8	Nhà văn hóa xã/thôn	Nhà	5	Trung bình	2016, 2017	Trung bình
9	Chợ	Cái	2	Thấp	2010	Trung bình

Nhận xét: Cơ sở hạ tầng cơ bản đã được kiên cố, còn 29,5% đường liên thôn, ngõ xóm hiện nay chưa được bê tông hóa; 13% đường nội đồng chưa được bê tông hóa; xã đạt nông thôn mới năm 2017; 01 chợ đã được đầu tư xây dựng bán kiên cố; 01 chợ tạm.

5. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời (sạt lở, lũ quét, nước biển dâng v.v)	Số hộ cần được hỗ trợ làm nhà
1	Hội An 1	765	60	659	46	0	62	4
2	Hội An 2	355	30	306	19	0	15	0
3	An Thạch	815	71	708	36	0	50	15
4	An Thổ	798	66	674	58	0	23	6
Tổng		2.733	227	2.347	159	0	150	25

Nhận xét: Nhà thiếu kiên cố 159 nhà, nhà bán kiên cố 2.347 nhà, kết cấu nhà chưa đảm bảo an toàn, đa số các hộ làm nhà chưa tính đến an toàn trước thiên tai: phòng tránh bão, gác lửng để cất giữ đồ đạc, hoặc lối thoát hiểm... khi lũ, lụt các hộ vùng trũng thấp bị ướt, hư hỏng đồ đạc, lương thực, gia súc, gia cầm.

Hiện nay có 25 nhà cần hỗ trợ đã có 04 nhà đang xây dựng và trong giai đoạn hoàn thiện.

6. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH⁴

TT	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Số phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật sống trong từng loại nhà
1	Nhà tạm bợ	0	0	0
2	Nhà thiếu kiên cố	110	49	433
3	Nhà bán kiên cố	70	2.277	2.975
4	Nhà kiên cố	0	227	624
Tổng số		180	2.553	4.032

Nhận xét: Khi lũ, lụt 80% địa bàn xã ngập, có 180 nhà ngập sâu 1-1,5 mét, thời gian ngập 4-5 ngày

7. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch					Nhà vệ sinh			
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)
Hội An 1	765	765	760	0	0	42	760	05	0	42
Hội An 2	355	355	353	0	0	20	353	02	0	20
An Thạch	815	815	810	01	0	207	810	05	0	207

⁴ Phục vụ dự án GCF

An Thổ	798	798	790	0	0	398	790	08	0	398
Tổng	2.733	2.733	2.713	01		667	2.713	20	0	667

Nhận xét: Về Nguồn nước: 98% số hộ sử dụng nước giếng khoan, nước cung cấp tự động nhỏ đảm bảo nước sinh hoạt cho các hộ dân; Tuy nhiên khi mất điện thì không có nước sử dụng nếu các hộ không có ý thức dự trữ; Mặt khác nằm ở vùng thấp trũng, hạ du rác thải từ thượng nguồn đổ về, lũ, lụt, nhà vệ sinh còn 20 hộ đang còn nhà vệ sinh tạm, rác thải, chất thải từ các hộ chăn nuôi, xác súc vật chết không có nơi xử lý, ngập úng dài ngày nguồn nước bị ô nhiễm, các hộ dân không có nước sạch để sinh hoạt.

8. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
	Sốt rét	20	10	05	05	02
	Sốt xuất huyết	0	0	02	0	0
	Viêm đường hô hấp	100	20	15	30	05
	Tay chân miệng	04	0	0	0	0
	Bệnh ngoài da...	15	10	10	10	02

9. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh (Cao, thấp, trung bình)	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Hội An 1	Trung bình	Cao
2	Hội An 1	Trung bình	Cao
3	An Thạch	Trung bình	Cao
4	An Thổ	Trung bình	Cao

Nhận xét: Thời gian nước ngập lâu 3-5 ngày, nhất là lụt (ngập nước đồng Lau), các rác thải, nước thải trong khu dân cư không có chỗ thoát gây ô nhiễm môi trường; các loại hóa chất khử khuẩn làm sạch môi trường không đủ để cấp phát cho người dân; Lực lượng y tế mỏng địa bàn rộng, đi lại khó khăn.

10. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH⁵

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
Rừng ngập mặn		0	
Rừng trên cát (Cây phi lao)	301	301	Cao

⁵ Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

Rừng tự nhiên		0	
Rừng khác		0	
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng		0	
Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng	16 ha	16 ha	
Tổng	301	301	

11. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng⁶

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
(1)	(2)	(3)	(4)
Rừng ngập mặn			
Rừng trên cát (Rừng phòng hộ)	Phi lao (Cây dương liễu)		
Rừng tự nhiên	Không có		
Rừng khác	Không có		
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng	Không có		
Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng (trồng xen vào diện tích rừng hiện có);	16ha	Nuôi tôm trên cát	
Tổng			

12. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	2.000		Trung bình	Cao
2	Chăn nuôi	520		Trung bình	Trung bình
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	101		Thấp	Cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	612		Thấp	Cao
5	Sản xuất tiêu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân)	200		Trung bình	Thấp

⁶ Phục vụ cho dự án GCF

6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	488		<i>Trung bình</i>	Trung bình
7	Du lịch	0			
8	Ngành nghề khác- VD. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập bình quân)	420		<i>Trung bình</i>	Trung bình

13. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	99
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	75
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Cụm	31
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủa, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	70
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu).	Thôn/Tổng số thôn	04/04 thôn
7			

14. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	4/4 không có kế hoạch (Thực hiện theo kế hoạch PCTT, BĐKH của xã
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3/3 trường không có kế hoạch riêng mà thực hiện theo kế hoạch PCTT, BĐKH xã
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	1
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	22
	- Trong đó số lượng nữ	Người	3
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT	Người	5
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã (Đội cứu hộ cứu nạn)	Người	55
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	15
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU/BĐKH dựa vào cộng đồng	Người	0
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	0
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	01
	- Áo phao	Chiếc	18
	- Phao cứu sinh	Chiếc	41
	- Loa	Chiếc	07
	- Đèn pin	Chiếc	10
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01

	- Lều bạt	Chiếc	04
	- Xe vận tải	Chiếc	24
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	15kg
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	01
10	Một số loại vật tư khác		

C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỰBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(4)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, hạn hán	4/4 thôn Hội An 1 Hội An 2 An Thạch An Thổ (2.733)	Giảm hơn so với trước đây	<p>* Giao thông:</p> <p>-Đường tỉnh lộ 627 được xây dựng nhưng không thiết kế cống nên gây nên ngập úng cục bộ.</p> <p>- Đường giao thông ngõ, xóm chưa được bê tông hoá: 6,704 km (chiếm 28,55%).</p> <p>- Đường giao thông nội đồng chưa được cứng hóa: 4,555 km (chiếm 23,66%).</p> <p>- Thiếu hệ thống công thoát nước trong khu dân cư tại thôn An Thổ.</p> <p>* Kênh mương thủy lợi chưa kiên cố hóa 7,823km(39,34%).</p> <p>-Dòng sông Thông sau cải tạo nạo vét, nắm dòng đã gây nên những dòng xoáy rất nguy hiểm.</p> <p>* Hệ thống điện chiếu sáng trong thôn, ngõ xóm chưa đảm bảo (10%).</p> <p>* Trường học, UBND chưa có thiết kế sinh hoạt riêng cho người khuyết tật</p> <p>-04 nhà văn hóa thiết kế nhà vệ sinh còn chưa đảm bảo</p>	Cao	Trung bình

Nhận xét:

Cột 4: 8km đường tỉnh lộ chạy qua đã được kiên cố tuy nhiên khi thiết kế thi công không có hệ thống công tiêu nước; mưa dài ngày gây ngập úng cục bộ (Địa phương đã đề

xuất nhiều lần nhưng chưa được xem xét); Các công trình Trụ sở UBND, Trường học nhà cao tầng nhưng khi thiết kế chưa tính đến việc sử dụng thuận lợi cho người khuyết tật.

Cột 5: Năm 2017, Phố An là xã đã được công nhận là xã nông thôn mới ; về cơ sở hạ tầng tương đối tốt:

-Hệ thống giao thông của xã cơ bản đã được rải nhựa, bê tông hóa, mặt đường từ 3m trở lên bảo cho dân sinh và phòng chống thiên tai, BDKH. Hiện nay chỉ còn lại một số đoạn đường ngõ xóm và đường giao thông nội đồng chưa được kiên cố, hệ thống cống thoát nước thải chưa được đầu tư xây dựng, trồng thắp-Trường học, công sở, trạm y tế, nhà văn hóa 04 thôn đã được xây dựng kiên cố, đảm bảo làm nơi tránh trú an toàn: Hệ thống kênh mương thủy lợi đã được kiên cố 60,26% ; 90% hộ được sử dụng hệ thống điện an toàn; Trường học, trạm y tế, Trụ sở UBND xã, 04 nhà văn hóa thôn đều được kiên cố, khang trang. Có thiết kế hệ thống nước sạch, vệ sinh cho nam, nữ.

- Dọc theo 8km bờ biển qua xã được bảo vệ bởi rừng phi lao và bờ cát cao từ 3-4 tạo nên vành đai chắn sóng, chắn gió.

Cột 6: 6,7 km và 4,7km đường giao thông liên xóm, giao thông nội đồng bị sạt lở, hư hỏng khi thiên tai xảy ra; 7,823km kênh mương chưa được kiên cố có thể bị sạt lở hư hỏng khi thiên tai xảy ra; Hệ thống đường điện chiếu sáng hư hỏng gây đổ khi thiên tai xảy ra.

***Kết quả đánh giá về nhà ở:**

Loại hình Thiên tai/BDKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BDKH (Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐK H (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BDKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt Bão	4/4 2.733	Giảm thiệt hại về số lượng nhà (Nhà kiên cố ngày một nhiều) nhưng lại tăng thiệt hại với những hộ gia đình có nhà thiếu kiên cố, hộ gia đình ở vùng có	- Tỷ lệ nhà bán kiên cố, thiếu kiên cố còn nhiều (Nhà bán kiên cố 2.237, -Nhà thiếu kiên cố:159 cái . - Số hộ cần được hỗ trợ làm nhà 25 hộ nằm ở 3/4 thôn. - 180 hộ ở vùng trũng có nguy cơ cao do lũ, lụt. - Số hộ ở vùng rủi ro trung bình khi có thiên tai: 2.553 hộ. -Một số hộ còn chủ quan, thiếu kiến thức về PTTT, Thích ứng BDKH. -Kinh tế các hộ có nhà kém an toàn còn khó khăn không có tiền	Trung bình	Cao

		nguy cơ cao	để làm nhà; Một số hộ ốm đau bệnh hiểm nghèo... -Thiếu kiến thức kỹ thuật xây nhà an toàn trước thiên tai. BĐKH.		
--	--	-------------	---	--	--

Nhận xét:

Cột 4: Toàn xã có: 2.506/2733 nhà bán kiên cố và thiếu kiên cố (25 hộ đang cần hỗ trợ làm nhà); 180 hộ nằm ở vùng trũng, thấp có nguy cơ rủi ro cao, 2.553 nhà nằm trong vùng có nguy cơ rủi ro trung bình bởi các loại hình thiên tai lũ, lụt. Nhà ở của các hộ dân có nguy cơ sập đổ, hư hỏng khi thiên tai xảy ra và đặc biệt với tác động của BĐKH hiện nay làm cho các loại hình thiên tai phức tạp hơn, khó lường; Khi mưa kéo dài kết hợp lũ từ thượng nguồn thì nguy cơ nhà bị hư hỏng, sập là rất cao.

Cột 5: Nhà kiên cố: 277 nhà (Trong đó Hội An 1: 60; Hội An 2: 30; An Thạch 61; An Thổ 77) được sử dụng để làm nơi tránh trú khi thiên tai xảy ra; 80% hộ thường xuyên cập nhật thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ phía chính quyền địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng; Đa số các hộ có điều kiện, kiến thức, kinh nghiệm, kinh phí xây nhà kiên cố và bán kiên cố, tổ chức chằng chống nhà cửa; chặt tỉa cành cây xung quanh nhà trước khi thiên tai xảy ra.

Cột 6: Nhà đơn sơ, nhà nằm ở vùng có nguy cơ cao bị hư hỏng, sập đổ khi có thiên tai.

2. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường:

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai)	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)		(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão	-Hội An 1 -Hội An 2 - An Thạch -An Thổ	Tăng	-180 hộ nằm trong vùng trũng thấp; -20 hộ nhà vệ sinh không hợp vệ sinh; - Công tác tuyên truyền cho các hộ dân bảo vệ nguồn nước và dự trữ nước sinh hoạt trước khi thiên tai xảy ra chưa được chú trọng -Thiếu nhân lực khi thiên tai đặc biệt các hộ neo đơn, hộ khuyết tật,.. do lực lượng lao động chính đi làm ăn xa	Trung bình	Cao

Nhận xét:

Cột 4: Địa bàn xã là khu vực trũng, thấp khi mưa kéo dài gây nên lụt nước dâng lên cao khoảng 0,5 mét, thời gian ngập úng ít nhất là 1 tháng; rác thải, nước thải sinh hoạt khu dân cư không tiêu thoát được gây nên ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước sinh

hoạt vì vậy nguy cơ thiếu nước sinh hoạt, bệnh tật ở người trong và sau khi lụt xảy ra là rất cao.

Cột 5: Đa số hộ dân chưa có bể để dự trữ nước sinh hoạt trước khi thiên tai xảy ra; Trạm y tế cấp thuốc xử lý nguồn nước sinh hoạt, xử lý môi trường sau thiên tai; Có 97,8 % Hộ dân được sử dụng nước giếng khoan và đài cung cấp nước; Có hệ thống thu gom rác. hợp vệ sinh (chiếm 91,15%); Có 2504 hộ có nhà tiêu, nhà tắm và bể chứa - Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh từ 95% trở lên và tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 60% .

Cột 6: Ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, thiếu nước sinh hoạt khi có thiên tai; Dịch bệnh có nguy cơ xảy ra sau thiên tai.

3.Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, hạn hán	4/4 thôn 2.733 hộ	Giữ nguyên	-Công tác tuyên truyền khuyến cáo về dịch bệnh chưa được làm thường xuyên - Thiếu cơ sở thuốc điều trị bệnh khi khẩn cấp và xử lý nguồn nước sau lũ -Chưa tổ chức được các lớp tập huấn sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho đội cứu hộ cứu nạn của xã; -Đa số người dân chưa có kiến thức phòng bệnh đặc biệt là các bệnh thường phát sinh sau thiên tai. -Thiếu bác sỹ, phòng khám chuyên khoa -Xã xa trung tâm huyện khoảng 30km	Trung bình	Cao

Nhận xét:

Cột 4:Trang thiết bị phục vụ cho khám chữa bệnh mới đáp ứng được những bệnh thông thường; Chưa có bác sỹ chuyên khoa, đặc biệt là chuyên khoa sản, khi chị em phụ nữ mắc các bệnh về phụ khoa thường phải lên tuyến trên để khám và điều trị.

Cột 5: Có 01 Bác sỹ, 3 Y sỹ, 2 nữ hộ sinh, 01 Điều dưỡng trung học, 01 dược sỹ Đại học có khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật cao; khám chữa bệnh thông thường và cấp thuốc bảo hiểm y tế cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân; Hỗ trợ người dân trong xử lý môi trường, phòng bệnh sau thiên tai.

Cột 6: Một số dịch bệnh có nguy cơ xảy ra sau thiên tai; Chị em phụ nữ thường hay mắc các bệnh về phụ khoa.

4.Kết quả đánh giá về giáo dục :

Loại hình	Thôn/Số	Xu hướng	TTDBTT	Kỹ năng,	Rủi ro
-----------	---------	----------	--------	----------	--------

Thiên tai/BĐKH	hộ	thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)		công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TU`BĐK H (Cao, Trung Bình, Thấp)	thiên tai/BĐ KH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão,	4/4 thôn An Thạch Hội An 1 Hội An 2 An Thổ	Giữ nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Các trường học chưa được đầu tư trang thiết bị PCTT như: áo phao, phao cứu sinh, máy điện, loa cầm tay, đèn pin... -Giáo viên và học sinh các trường chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH và kỹ năng sơ cấp cứu, giới, giới tính và nhạy cảm giới. -Không có kế hoạch PCTT/BĐKH ; -Các trường chưa xây dựng được góc giảm nhẹ rủi ro thiên tai; -Một số hộ gia đình chưa quan tâm đến việc quản lý con em. -Các trường chưa tổ chức dạy bơi cho các em học sinh. - Hệ thống thông tin cảnh báo của các nhà trường chưa đáp ứng. 	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:

Cột 4: Các trường học không xây dựng kế hoạch PCTT&CHCN; Nâng cao kiến thức PCTT, BĐKH, nhạy cảm giới cho giáo viên và học sinh là hoạt động mang tính bền vững cao tuy nhiên hiện nay giáo viên và học sinh chưa được tập huấn kiến thức và kỹ năng về PCTT, BĐKH, sơ cấp cứu; không có trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, chưa thực hiện truyền thông, buổi học ngoại khóa về PCTT, BĐKH cho các em học sinh, 90% học sinh không biết bơi.

Cột 5: Tất cả các phòng học được xây dựng kiên cố;Thực hiện nghiêm túc phương án PCTT của Ban Chỉ huy PCTT xã đã xây dựng, phân công; Có khả năng tiếp cận công nghệ thông tin về cảnh báo thiên tai cao (giáo viên)

Cột 6: Học sinh có nguy cơ nghỉ học khi thiên tai xảy ra; Học sinh có nguy cơ bị đuối nước, nguy cơ bị xâm hại khi thiên tai xảy ra.

3. Kết quả đánh giá về rừng:

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung

				& TƯỠĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Bình, Thấp)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lũ, lụt, bão	Hội An 1 Hội An 2 An Thạch An Thổ	Thấp	- Có 8km rừng phòng hộ dọc ven biển (301ha) - Nguy cơ bị ngã đổ do Bão - Khả năng cháy rừng xảy ra do nắng nóng kéo dài, do chủ quan của dân chặt phá rừng làm củi; Năm 2017 đã xảy ra 02 vụ cháy rừng thiệt hại khoảng 0,5 ha.	Trung bình	Thấp

Nhận xét:

Cột 4: Diện tích rừng được trồng cây dương liễu (cây phi lao), hàng năm thường hay xảy ra cháy rừng do người dân còn chủ quan, thiếu kiến thức về phòng cháy chữa cháy nói chung và phòng cháy chữa cháy rừng nói riêng.

Cột 5: 301ha rừng trên cát rừng phòng hộ của xã chạy dọc theo 8 km bờ biển của xã tạo thành vành đai chắn sóng, chắn gió bảo vệ an toàn cho xã; Việc bảo vệ rừng nam tham gia; trồng rừng cả nam và nữ đều tham gia. Nam được tập huấn kỹ năng Phòng cháy chữa cháy rừng, nữ thiếu kiến thức về phòng cháy chữa cháy; UBND xã đã giao khoán cho 04 thôn và 11 hộ quản lý, mỗi thôn có thành lập 1 tổ quản lý và bảo vệ phòng cháy chữa cháy gồm 10 người. Toàn xã có sinh kế xung quanh rừng chủ yếu nuôi tôm trên cát và trồng các loại hoa màu và cây keo.

Cột 6: Rừng có nguy cơ bị gãy đổ khi thiên tai xảy ra

4. Kết quả đánh giá về trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/ hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTĐBTT (Số lượng: diện tích trồng trọt có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỰỠĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lũ, lụt, bão	4/4 thôn 2.000 hộ	Xu hướng thiệt hại ngày càng gia tăng trước tác động của thiên tai và BĐKH	Số diện tích trồng trọt nằm ở vùng có nguy cơ cao do lũ, lụt: - Diện tích trồng lúa thường bị ngập úng lâu ngày vào mùa mưa lũ 385 ha, Hoa màu 350ha Khoảng 250ha đất trồng màu bị hoang hóa do đất cần cỗi một số hộ dân đã tự ý chuyển đổi sang mô hình trồng cây keo - Đa số người dân chưa được	Trung bình	Cao

			tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi. - Thiếu kiến thức sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật		
Hạn hán			- Thiếu nước sản xuất khoảng 300 ha đất hoa màu thuộc toàn xã - Thiếu nước tưới, hệ thống kênh mương chưa được kiên cố	Trung bình	Trung bình

Nhận xét :

Cột 4: Do thời tiết biến đổi bất thường lúa hoa màu thường bị sâu bệnh, bị ảnh hưởng bởi thiên tai lũ,lụt, năng suất, chất lượng lúa, hoa màu bị giảm năng suất, mất thu hoạch; Số nam, nữ tham gia trồng lúa hoa màu tương đối đều nhau ở các thôn; Các lớp tập huấn kiến thức trồng trọt chăn nuôi được địa phương mở chưa thường xuyên, chưa vận động thu hút người dân tham gia; Hầu hết người dân chưa biết cách sử dụng đúng các loại thuốc bảo vệ thực vật. Gần 300ha đất trồng màu trước đây do thiếu nước canh tác các hộ tự ý chuyển đổi sang trồng cây keo xã chưa có quy hoạch trồng các loại cây thích ứng.

Cột 5: Diện tích tự nhiên : 1815,41 ha: Diện tích trồng lúa: 577,2 ha, Diện tích trồng hoa màu: 350 ha, trong đó: Cây ngô: 50 ha., Cây mì: 40 ha., Cây Lạc: 200 ha, Cây trồng và hoa màu khác: 60 ha. Đã tiến hành dồn điền, đổi thửa được 260ha đạt 75%; Xã có các mô hình chuyển đổi cây trồng thích ứng với BĐKH: Cây cây đậu phụng, cây thanh long, nuôi tôm trên cát;Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng máy làm đất, máy thu hoạch; Có hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động hiệu quả. Khuyến cáo hộ dân sử dụng các loại giống lúa mới, mở rộng và thực hiện tốt các dịch vụ, bên cạnh tăng cường phòng trừ sâu bệnh, sản lượng lương thực cả năm đạt 3464,44 tấn, gần với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững tại địa phương (hợp đồng sản xuất giống lúa với Trung tâm giống Quảng Ngãi; Hội Nông dân, phụ nữ đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt cho người dân; Xây dựng 2 đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp là trồng ngô lai trên chân lúa 1 vụ và nuôi tôm bằng chế phẩm sinh học được UBND huyện phê duyệt.

Cột 6: Mất mùa, giảm năng suất lúa hoa màu khi thiên tai xảy ra; ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước do vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật chưa được bỏ đúng nơi quy định.

7.Kết quả đánh giá về chăn nuôi:

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Lũ, lụt	4/4 thôn	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn chăn nuôi nhỏ lẻ, chưa tập trung. - Làm chuồng trại chưa đúng kỹ thuật. - Người dân chưa chủ động tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. - Chưa dự trữ đủ thức ăn cho gia súc gia cầm trng mưa lũ; - Các hộ gia đình nuôi nhỏ lẻ, chủ yếu gia trại - Không có đầu ra ổn định tự cung tự cấp - HTX NN không cung ứng được vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, không kiểm định được chất lượng, người dân phải mua trôi nổi trên thị trường. 	Trung bình	Cao
---------	---------------------	------------	--	------------	-----

Nhận xét:

Cột 4: 1245 hộ với Tổng đàn bò: 4.000 con, đàn heo: 7.000 con, gia cầm: 40.000 con. Đa Số hộ gia đình chăn nuôi theo hình thức gia trại, chăn nuôi nhỏ lẻ, xử lý rác, nước thải chưa đảm bảo gây ô nhiễm môi trường; Hộ đình chủ quan không di dời gia súc, gia cầm lên cao khi có sự khuyến cáo của địa phương. 25% hộ chăn nuôi chưa làm hầm Biogar, xả thải ra môi trường.

Cột 5: Từ năm 2015 đến năm 2017 đã hỗ trợ 80 con bò cho các hộ nghèo để phát triển sản xuất. Tổ chức tiêm phòng cho gia súc, gia cầm năm 2 lần, 75% hộ gia đình chăn nuôi làm hầm Bioga Xây dựng Mô hình chăn nuôi bò, chăn nuôi dê toàn tỉnh, Mở lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.

Cột 6: Gia súc gia cầm có bị chết, trôi, dịch bệnh, chuồng trại chăn nuôi bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra.

8. Kết quả đánh giá ngành thủy sản (đánh bắt và nuôi trồng thủy sản)

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Đánh bắt					

Bão, Lũ, lụt	4/4 thôn 612 hộ	Xu hướng thiệt hại tăng	<ul style="list-style-type: none"> -Các hộ đánh bắt phương tiện nhỏ không thường xuyên mang áo phao; -Các phương tiện cảnh báo chưa đáp ứng được dự báo, cảnh báo; khi gặp rủi ro thì không có khả năng thông tin tìm kiếm cứu hộ kịp thời; -Chưa được tập huấn kiến thức kỹ năng sơ cấp cứu; -Đa số các hộ đánh bắt ven bờ còn chủ quan -Không có tàu dịch vụ hậu cần nghề biển của địa phương -Đa số các hộ nuôi tôm trên cát chưa chủ động di dời vào nơi an toàn do; -Hàng hóa sản xuất ra chưa thành chuỗi liên kết đầu ra không ổn định, phụ thuộc vào thị trường 	Thấp	
2.Nuôi trồng thủy sản	4/4 thôn				
Bão, lũ, lụt, hạn hán		Xu hướng tăng Việc nuôi trồng thủy sản hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> -Bờ bao không được kiên cố. -Các hộ nuôi trồng thủy sản thiếu kiến thức về cách lựa chọn con giống, kỹ thuật chăm sóc. -Kiến thức, kỹ năng phòng chống thiên tai chưa có. -Có chủ quan , tư tưởng của bà con thường là được ăn thua chịu; không tuân thủ sự khuyến cáo của chính quyền địa phương. - 31,17 ha nuôi tôm dọc bờ biển (101 hồ) - Hồ nuôi chưa kiên cố, nhỏ lẻ - Nguy cơ dịch bệnh. - Nguồn giống chưa đảm bảo - Nguồn nước bị ô nhiễm. - Kỹ thuật nuôi trồng chưa đảm bảo. -Đầu ra chưa ổn định phụ thuộc vào thị trường -Chất lượng con giống chưa đảm bảo 	Thấp	Cao

Nhận xét:

Cột 4 : Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn chiếm 56,8% GDP của xã, hàng năm với hơn 1000 lao động, đem lại nguồn thu nhập chính cho các hộ gia đình. Ngành nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản 100% nam giới tham gia, nhưng rủi ro do thiên tai và biến đổi khí hậu rất cao. 100% diện tích nuôi trồng thủy sản nằm ven biển vùng có nguy cơ cao, bờ bao tạm bợ việc nuôi trồng hoàn toàn phụ thuộc vào thời tiết.

Cột 5: Số tàu thuyền có công suất trên 30 CV: 48 chiếc; Có kinh nghiệm đánh bắt và bảo quản hải sản; Có sức khỏe và biết bơi, Được nhà nước hỗ trợ tiền dầu và kinh phí đóng tàu; Kiểm định, hướng dẫn nhật ký đánh bắt trước khi ra biển; Các hộ nuôi tôm Được tập huấn kỹ thuật nuôi trồng nhưng chưa thường xuyên; Có công ty hướng dẫn kỹ thuật, cung cấp con giống và thu mua. Cho ngư dân vay vốn cải hoán, đóng mới tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới có công suất lớn để đánh bắt xa bờ theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP và Nghị định 89/2015/NĐ-CP của CP. Xây dựng 2 đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp là trồng ngô lai trên chân lúa 1 vụ và nuôi tôm bằng chế phẩm sinh học được UBND huyện phê duyệt.

Cột 6: Người có thể chết, bị thương; Hư hỏng, mất phương tiện đánh bắt và nuôi trồng ; Không có thu nhập khi có thiên tai, cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn; mất sản lượng nuôi trồng, bờ bao bị vỡ khi thiên tai xảy ra;

9. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch: xã không có dịch vụ du lịch

Loại hình Thiên tai, BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số thôn/hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

10. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Bão, lũ, lụt		Giảm	- Buôn bán nhỏ, chủ yếu tập trung ở 2 chợ và cận chợ 200 lao động; Buôn bán tại cửa hàng dịch vụ và tại hộ gia đình 288 người. -Buôn bán nhỏ lẻ; giá cả không ổn định. -Phụ thuộc hoàn toàn vào giá cả thị trường. -Chất lượng hàng hóa dịch vụ không được quản lý, kiểm định chặt chẽ	Thấp	Thấp
--------------	--	------	---	------	------

Nhận xét;

Cột 4: Chưa kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp về đầu tư để thu hút lao động tạo công ăn việc làm cho người dân; Chưa khai thác được tiềm năng thế mạnh từ biển rừng. Mặc dù trên địa bàn xã có 8km bờ biển nhưng chưa có các dịch vụ ăn uống - du lịch để phát triển kinh

Cột 5: Trên địa bàn xã có 10 cơ sở may gia công, giải quyết 120 lao động với thu nhập 4.000.000 đồng/ lao động; Quy hoạch khu du lịch Hội An – Phở An đáp ứng nhu cầu ăn uống, vui chơi cho nhân dân trong xã; Nhiều cơ sở nấu rượu, làm bánh tráng, chổi đót được nhân rộng đem lại thu nhập cao cho người dân; Người dân có nhiều kinh nghiệm hơn trong ứng phó thiên tai

Cột 6: Hàng hóa có thể bị ướt, hư hỏng khi thiên tai, BĐKH xảy ra; Giảm, mất thu nhập khi thiên tai xảy ra;

11. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lũ, lụt, hạn hán.	4/4 thôn	Gia tăng	- Thiếu 07 cụm loa cho các khu dân cư trên địa bàn các thôn: Hội An I, II, An Thổ - Chất lượng các phương tiện cảnh báo sớm của các chủ phương tiện đánh bắt trên biển bắt chưa đảm bảo - Hệ thống Icom thường xuyên bị hư hỏng. - Người dân còn chủ quan,	Trung bình	Trung bình

			thiếu kiến thức PCTT/BĐKH - Thiếu thiết bị PCTT, hệ thống cảnh báo sớm tại các thôn như loa cầm tay, áo phao, cửa máy...		
--	--	--	---	--	--

Nhận xét:

Cột 4: Hệ thống truyền thanh của xã chỉ đáp ứng 75% nhu cầu người dân; các hoạt động truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực, diễn tập PCTT chưa được thực hiện hàng năm. Một số cán bộ, người dân còn xem nhẹ, chủ quan trong phòng ngừa ứng phó thiên tai biến đổi khí hậu; 25% hộ dân không tiếp cận được thông tin từ truyền thanh của xã (riêng thôn Thạch An, Hải An là 50% hộ dân không tiếp cận được thông tin từ loa truyền thanh của xã -Thông tin từ người dân tham gia đánh giá); Thiếu 7 cụm loa trên địa bàn toàn xã. Trong đó thôn An Thạch thiếu 2 cụm loa, Thôn thiếu 02 cụm; Số hộ dân không có ti vi :2%, số hộ có người không biết sử dụng Internet chiếm 50-60%;

Hoạt động tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm đúng mức: Người dân không nắm bắt được kế hoạch PCTT & TKCHCN, không biết các phương án cụ thể về PCTT; Các đoàn thể chưa đưa nội dung tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH, vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị nên cán bộ, hội viên, đoàn viên chưa được cập nhật, thiếu kiến thức, không quan tâm đến công tác PCTT, BĐKH.

Cột 5: 14/14 khu dân cư của 04 thôn có hệ thống loa phát thanh hoạt động tốt. Đảm bảo cho 75% hộ được tiếp cận thông tin từ xã, các thôn được trang bị 03 loa cầm tay; 47 thuyền đánh bắt cá đều được trang bị đầy đủ các loại trang thiết bị (bộ đàm), có 01 trạm Icom đặt trên đất liền, hệ thống mạng Internet được phủ khắp sử dụng tốt; Xã hiện có 22 máy tính / 22 cán bộ, công chức biết và sử dụng phần mềm eOffice (kể cả Lãnh đạo UBND xã), chiếm tỷ lệ 100%; Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; 04/04 thôn có hệ thống tăng âm, loa đài sử dụng tốt; Số hộ có ti vi: 90%, Số hộ có điện thoại: 98%

Cột 6: Gây đổ hư hỏng hệ thống truyền thanh khi thiên tai xảy ra; Người có nguy cơ bị thương, chết khi có thiên tai.

12. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU BĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, Lũ, lụt, hạn hán	4/4 thôn	Trung bình	- Không có cán bộ chuyên trách làm công tác PCTT.	Trung bình	Cao

			<ul style="list-style-type: none"> - 2/3 thành viên Ban chỉ huy PCTT chưa được tập huấn kiến thức về PCTT, biến đổi khí hậu cũng như chưa được phổ biến về Luật PCTT và các văn bản pháp lý liên quan về công tác PCTT. - Người làm công tác PCCT không có chế độ phụ cấp. - Kinh phí cho hoạt động PCTT còn hạn chế. -Trình độ nhận thức chuyên môn của Ban chỉ huy PCTT không đồng đều. - Trang thiết bị phục vụ công tác PCTT thiếu, đơn sơ chưa đáp ứng nhu cầu. - Chưa được hỗ trợ kỹ thuật cũng như kinh phí để tổ chức diễn tập hàng năm. - Phương châm 4 tại chỗ trong các hộ gia đình chưa được thực hiện nghiêm túc; 30% số hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nước uống trước khi đi sơ tán. Các thôn, hộ gia đình không chủ động xây dựng kế hoạch PCTT, BDKH (Chủ yếu là thực hiện theo chỉ đạo của BCHPCTT xã). 	
--	--	--	---	--

Nhận xét:

Cột 4: Với vị trí là xã ven biển (có 8km bờ biển), có sông Thoa chạy qua, hàng năm thường có từ 5- 10 cơn Bão, ATNĐ, lũ lụt và mưa lớn ... thiếu nhân lực huy động khi thiên tai xảy ra, đội ngũ cán bộ làm công tác PCTT & TKCHCN kiêm nhiệm, nguồn lực kinh phí trang thiết bị PCTT còn hạn chế như hiện nay khả năng ứng phó với thiên tai lớn xảy ra trên địa bàn sẽ gặp nhiều khó khăn. Luật PCTT, Đề án 1002 chưa được triển khai đến cán bộ và người dân.

Hàng năm đã xây phương án PCTT &TKCHCN, phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhưng xây dựng kế hoạch PCTT &TKCHCN; Các tổ chức đoàn thể, các thôn hoạt động theo sự phân công của Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN của xã , các thôn không xây dựng kế hoạch, các đoàn thể chưa lồng ghép nội dung truyền thông kiến thức PCTT, BDKH vào sinh hoạt nhóm, chuyên đề, tổ chức hội thi...

Cột 5: Có sự chỉ đạo, điều hành, kiểm tra của Ban Chỉ huy PCTT các cấp (Khi có diễn biến thiên tai); Có tinh thần trách nhiệm trong công tác PCTT, trực 24./24; Đa số cán bộ làm công tác PCTT &TKCHCN có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên;Hệ thống cảnh báo sớm, công tác chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương nhanh, kịp thời.

Cột 6: Người có thể bị thương, chết khi thiên tai, BDKH xảy ra

13. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân/lực lượng lao động/tài sản có nguy cơ bị thiệt hại trong thiên tai và do BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

1. Tổng hợp kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự ưu tiên	Rủi ro thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp	Giải pháp
1	- Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm khi có thiên tai, BĐKH; - Phụ nữ thường hay mắc các bệnh phụ khoa	- 100% các hộ chăn nuôi nhỏ trong khu dân cư, có 30% hộ chưa xử lý rác, chất thải chăn nuôi còn xả ra môi trường - Hệ thống thu gom rác thải chủ yếu tập trung ở trục đường chính, chưa vào được khu lẻ, các hộ tự xử lý không đảm bảo. - 3/4 thôn với 1.903 hộ sử dụng nước sinh hoạt bằng giếng khoan. - Chị em phụ nữ thiếu kiến thức về phòng bệnh phụ khoa	- Không có khu xử lý nước thải tập trung. - Do vùng trũng thấp, hệ thống thoát nước chưa đảm bảo. - Hệ thống chăn nuôi mật độ dày, không có hệ thống xử lý nước và rác thải. - Hệ thống thu gom rác thải chưa được phủ kín, một số hộ dân tự đào chôn và xả thải ra môi trường. - Người dân thiếu ý thức trong việc xử lý các vỏ chai lọ thuốc bảo vệ thực vật. - Hàng năm trạm y tế không tổ chức được các lớp tập huấn về sức khỏe, sinh sản cho bà mẹ và trẻ em	- Đầu tư hệ thống thoát nước chống ngập úng ở khu dân cư. - Quy hoạch vùng chăn nuôi và xây dựng hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi. - Nâng cao ý thức của dân trong công tác bảo vệ môi trường. - Xây dựng hệ thống công bi để thu gom bao bì, vỏ thuốc BVTV. - Đầu tư hệ thống cấp nước sạch (03 thôn: Hội An 1,2, An Thỏ). - Tuyên truyền, hướng dẫn chị em phụ nữ biết cách phòng tránh các bệnh liên quan đến phụ nữ
2	Nhà có nguy cơ bị sập, đổ cuốn trôi khi có	- Tỷ lệ nhà bán kiên cố, thiếu kiên cố còn nhiều (Nhà bán kiên cố 2.237,	- Kinh phí xây nhà cho người dân chưa đảm bảo. - Chủ quan, không	- Hỗ trợ kinh phí xây nhà cho người dân (25 hộ). - Tập huấn cho người

	thiên tai	<p>Nhà thiếu kiên cố:159).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ cần được hỗ trợ làm nhà 25 hộ nằm ở 3/4 thôn. - 180 hộ ở vùng trũng có nguy cơ cao do lũ, lụt. -Đa số các hộ dân thiếu kiến thức về xây dựng nhà an toàn 	<ul style="list-style-type: none"> chăng chống, gia cố khi có mưa bão. - Công tác tuyên truyền về PCTT,BĐKH chưa được làm thường xuyên; - Xây dựng nhà chưa phù hợp với vùng thường xuyên có lũ, bão và không đảm bảo kỹ thuật. -Chưa tổ chức truyền thông kiến thức XD nhà an toàn cho người dân -Hệ thống truyền thanh còn thiếu 	<ul style="list-style-type: none"> dân về kỹ thuật xây nhà chống bão, lũ và cách chằng chống nhà cửa. - Thường xuyên tuyên truyền công tác PCTT trên các thông tin đại chúng. - Xây dựng nhà đảm bảo theo thiết kế chống lũ bão và có phòng để tránh trú bão. -Đầu tư cải thiện hệ thống truyền thanh hiện có
3	Môi trường có bị ô nhiễm khi thiên tai xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> -Vị trí địa lý nằm ở cuối nguồn. -Người dân thiếu kiến thức về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường. -Ý thức bảo vệ môi trường người dân chưa cao. -Hệ thống cống rãnh từ trong khu dân cư chưa đảm bảo -Kênh thoát lũ Đồng lau chưa được đầu tư xây dựng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi chưa đúng quy trình. - Người dân thiếu ý thức trong việc xử lý các vỏ chai lọ thuốc bảo vệ thực vật. - Khói bụi từ xe, từ các công trình xây dựng, từ đốt rác thải. - Chưa vận động được nguồn lực để xây dựng kênh thoát lũ Đồng lau 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hỗ trợ xây dựng hầm biogas. - Có hệ thống xử lý thu gom rác thải hợp lý. - Nâng cao nhận thức cho người dân trong việc bảo vệ môi trường. - Xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh - Mở rộng quy mô thu gom rác thải. -Vận động nguồn kinh phí đầu tư kênh thoát nước Đồng Lau
4	Mất mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu khi thiên tai xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> -Có 385 ha diện tích đất trồng lúa ở vùng trũng thấp, dễ bị ngập úng khi có lũ, lụt xảy. -Diện tích đất nông nghiệp chưa tưới chủ động: 103 ha. -Số diện tích trồng hoa màu bị sa mạc hóa gần 300ha; -Tổng chiều dài kênh mương chưa được kiên cố hoá: 2327 km (chiếm 40%). 	<ul style="list-style-type: none"> -Người dân thiếu kiến thức về trồng trọt chăn nuôi; -Chưa trồng các mô hình, trồng loại giống lúa hoa màu thích ứng với BĐKH - Người dân quen dùng lúa củ (lúa thịt) để làm giống. - Năng lực cán bộ khuyến nông còn hạn chế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích người dân dùng giống phù hợp với đặc điểm thời tiết tại địa phương. Hướng dẫn người dân sử dụng các loại giống có khả năng thích ứng BĐKH (chịu hạn) - Theo dõi các thông tin dự báo thời tiết để đưa ra lịch gieo trồng. - Tuyên truyền, thông

		<ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt - Chưa có các mô hình lúa, hoa màu thích ứng với biến đổi khí hậu; mô hình sản xuất rau an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã chưa có dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. - Chưa có kênh thoát lũ đồng lau - Thiếu máy móc sản xuất nông nghiệp, chậm thời vụ 	<ul style="list-style-type: none"> báo về tình hình sâu bệnh kịp thời cho người dân. - Đầu tư nâng cao năng lực của HTX dịch vụ cung ứng vật tư NN, kiểm tra chất lượng đầu vào. - Đầu tư, hỗ trợ máy sấy lúa sau tu hoạch. - Tìm đầu ra cho sản xuất NN: liên doanh, liên kết - Tiếp tục xây dựng hệ thống tưới tiêu, kênh thoát lũ đồng Lau
5	Người có thể bị chết hoặc bị thương khi thiên tai xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh xuống cấp, thiếu 7 cụm loa trên địa bàn toàn xã. Trong đó thôn An Thạch thiếu 2 cụm loa, Thôn thiếu 02 cụm - Các phương tiện cứu hộ cứu nạn thiếu, chưa đáp ứng được cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra thiên tai - Kế hoạch PCTT hàng năm được xây dựng nhưng chưa triển khai đến người dân (chủ yếu là cán bộ thôn); -- Một bộ phận người dân không quan tâm đến PCTT, BDKH, chủ quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - 25% hộ dân ở xa trung tâm không nghe được thông tin từ hệ thống loa truyền thanh của xã; - Đa số người dân chưa biết bơi (70%) - Người dân còn chủ quan, thiếu kiến thức trong công tác PCTT. - Phương tiện đánh bắt thủy hải sản còn thô sơ, công suất thấp. - Tại các thôn không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn phụ thuộc hoàn toàn vào số phương tiện của xã ; - Cán bộ làm công tác PCTT & người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH - Người dân còn chủ quan trong công tác PCTT khi tham gia đánh bắt trên các ngư trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có chính sách hỗ trợ vốn để nâng cấp và đóng mới tàu thuyền. - Thường xuyên tuyên truyền về an toàn lao động cho ngư dân đánh bắt trên biển. - Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH, kỹ năng sơ cấp cứu cho người dân. - Hỗ trợ trang thiết bị (áo phao, phao cứu sinh,..) cho người dân - Mua sắm thêm 7 cụm loa cho 4 thôn - Tổ chức diễn tập PCTT, BDKH. - Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH, Sơ cấp cứu, chằng chống nhà cửa cho cán bộ làm công tác PCTT, TKCHCN và người dân ở vùng có nguy cơ cao

6	<p>Hệ thống cống thoát, kênh mương có nguy cơ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra</p>	<p>-Còn 7,823 km kênh mương thường xuyên bị hư hỏng bồi lấp. -Nằm ở vùng trũng, thấp</p>	<p>- 7,823 km kênh mương chưa được đầu tư xây dựng. -Chưa thường xuyên nạo vét kênh mương -Đường tỉnh lộ không có cống thoát nước gây ngập úng cục b.ộ -Dòng chảy sông Thoá bị ảnh hưởng do nắn dòng</p>	<p>- Đầu tư nâng cấp 7,823 km hệ thống kênh mương thủy lợi. - Tổ chức nạo vét hệ thống kênh mương thường xuyên hàng năm sau mùa mưa lũ. -Đề xuất XD hệ thống cống tiêu thoát qua đường tỉnh lộ 627; -XD kế hoạch trả lại dòng chảy sông Thoá; -XD 02 tuyến kênh thoát lũ đồng Lau; - Sông Thoá hàng năm cần được nạo vét đảm bảo dòng chảy được thông thoáng.</p>
7	<p>Gia súc, gia cầm có nguy cơ bị chết, trôi, dịch bệnh</p>	<p>-Các hộ chăn nuôi chủ quan không di dời gia súc, gia cầm lên cao khi có lũ, lụt. -Người dân chưa chủ động tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. - Các lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi còn ít, số ít đối tượng tham gia</p>	<p>- Chuồng trại chăn nuôi nằm trong vùng trũng thấp và chưa đảm bảo. - Mạng lưới thú y mỏng, trình độ chuyên môn hạn chế (01 cán bộ tại xã) - Người dân chưa chủ động dự trữ thức ăn trong mùa mưa, bão. - Chưa chủ động di dời gia súc, gia cầm đến nơi an toàn. - Thiếu vốn đầu tư chăn nuôi theo mô hình trang trại</p>	<p>- Hướng dẫn, khuyến khích người dân xây dựng, gia cố chuồng trại đảm bảo. - Tuyên truyền dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trong mùa mưa lũ. - Hỗ trợ người dân vay vốn. - Nâng cao nhận thức cho người dân về kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm. - Có phương án qui hoạch vùng chăn nuôi tập trung. - Nâng cao năng lực mạng lưới thú y cơ sở. -Vận động hướng dẫn các hộ gia đình chăn nuôi gia súc xây hầm Bioga để bảo vệ môi trường</p>

8	Các hộ nuôi trồng thủy sản có nguy cơ mất, giảm năng suất Đánh bắt thủy sản hư hỏng tàu thuyền, mất ngư lưới cụ mất thu nhập.	<ul style="list-style-type: none"> -- 31,17 ha nuôi tôm dọc bờ biển (101 hồ); - Tổng số tàu thuyền đánh bắt xa bờ: 47 chiếc, trong đó có 05 tàu có công suất dưới 30 CV. - Ghe nang và thúng chài: 10 chiếc. Với 600 lao động đánh bắt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh do ô nhiễm môi trường. - Hồ nuôi còn thô sơ do thiếu vốn - Thiếu kiến thức kinh nghiệm trong nuôi trồng - Không tuân thủ lịch thời vụ - Con giống trôi nổi, kỹ thuật nuôi còn hạn chế, thiếu kiến thức - Sản phẩm đánh bắt tự cung tự cấp không có đầu ra nên thu nhập thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý hồ nuôi, nguồn nước hợp vệ sinh - Chia sẻ kinh nghiệm trong nuôi trồng - Tuân thủ lịch thời vụ nuôi thả - Tập huấn kiến thức nuôi trồng thủy sản cho người dân; - Hỗ trợ vay vốn đóng tàu đánh bắt xa bờ - Tạo đầu ra cho sản phẩm
9	Người có nguy cơ mắc các bệnh như cúm, tiêu chảy, sốt ...khi thiên tai xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng trũng nước ngập dài ngày. - Trang thiết bị y tế còn thiếu đặc biệt là trang thiết bị khám chữa bệnh cao - Thiếu cơ sở thuốc xử lý nguồn nước sau lũ (CloraminB). - Người dân thiếu kiến thức về phòng bệnh trong mùa lũ, lụt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức người dân còn hạn chế, thiếu kiến thức trong việc bảo vệ sức khỏe trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra. - Đội ngũ y, bác sỹ còn mỏng, địa bàn rộng; Không có bác sỹ chuyên khoa để khám chữa bệnh cho người dân - Thuốc khám chữa bệnh, cơ sở thuốc dự trữ PCTT thiếu. - Trang thiết bị y tế để khám chữa bệnh chuyên sâu không có. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền cho người dân bảo vệ sức khỏe trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra. - Tập huấn kiến thức vệ sinh, nước sạch và bảo vệ môi trường cho người dân; - Hỗ trợ cơ sở thuốc và các trang thiết bị y tế; thuốc cloramin - Tuyên truyền người dân thực hiện tiêm phòng đầy đủ; ăn uống hợp vệ sinh, ăn chín uống sôi, ngủ màn trước, trong sau khi thiên tai; - Cần tăng cường nhân lực đội ngũ cán bộ y tế đến cơ sở; đầu tư trang thiết bị, phòng khám chuyên khoa

1. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành,	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải	Thời gian dự kiến	Nguồn lực dự
-------------	-----------------------	---------------------------------	------------------------------------	-------------------	--------------

lĩnh vực			pháp	Ngắn hạn	Dài hạn	kiến
Nhà ở	Hỗ trợ kinh phí xây nhà an toàn thích ứng với BĐKH, cho người dân (25 nhà)	- Địa điểm: Hội An I: 04 cái; An Thạch: 15 cái; An Thổ: 06 cái. -Hộ nghèo và đối tượng chính sách	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng	X		UBND xã Dự án GCF Hộ hưởng lợi
	Tập huấn cho người dân về kỹ thuật xây nhà an toàn và cách chằng chống nhà cửa để ứng phó và thích ứng với BĐKH	- 04 thôn. - Ngư dân	- Xây dựng nội dung, chương trình tập huấn. - Dự toán kinh phí - Tổ chức thực hiện	X		UBND xã Dự án GCF
Phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH	Tuyên truyền, tổ chức tập huấn Kiến thức PCTT, BĐKH	4/4 thôn Người dân	- Xây dựng kế hoạch, nội dung - Lựa chọn hình thức truyền thông: Sinh hoạt chuyên đề, tổ chức hội thi... -Tổ chức thực hiện -Đánh giá rút kinh nghiệm	Mỗi tháng 1 lần		Các tổ chức, đoàn thể: Hội phụ nữ, thanh niên, MTTQ
	Tuyên truyền về an toàn lao động, bảo vệ nguồn lợi hải sản, bảo vệ môi trường cho ngư dân đánh bắt trên biển.	- 04 thôn. - Ngư dân	- Xây dựng nội dung, chương trình tập huấn. - Dự toán kinh phí - Tổ chức thực hiện	Hàng năm		Các tổ chức, đoàn thể: Hội phụ nữ, thanh niên, MTTQ
	Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho người dân (04 lớp)	Các thành viên trong đội sơ cấp cứu của 4 thôn	- Xây dựng nội dung, chương trình tập huấn. - Dự toán kinh phí - Tổ chức thực hiện	Hàng năm		UBND xã Hội CTĐ tỉnh Dự án GCF
	Hỗ trợ trang thiết bị (áo phao, phao cứu sinh,..) cho người dân	- Các hộ dân khó khăn ở vùng nguy cơ cao, lao động đánh bắt	- Khảo sát, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện	X		UBND xã Hộ gia đình Dự án GCF
	Tổ chức diễn tập về PCTT, BĐKH	-Toàn xã	-Xây dựng kịch bản -Tổ chức thực hiện	X		UBND xã Dự án

			-Đánh giá rút kinh nghiệm			Các
Nước sạch và vệ sinh môi trường	Tuyên truyền cho người dân bảo vệ sức khỏe trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.	Địa điểm: 04 thôn.	- Xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình tập huấn. - Dự toán kinh phí - Tổ chức thực hiện	Hàng năm		Trạm y tế Các đoàn thể
	Tuyên truyền, hướng dẫn chị em phụ nữ biết cách phòng tránh các bệnh liên quan đến chị em	4/4 thôn	-Xây dựng kế hoạch -Chuẩn bị nội dung -Tổ chức tập huấn -Thực hiện truyền thông nhóm	Trước mùa thiên tai		Trạm y tế Hội phụ nữ
	Nâng cao ý thức của dân trong công tác bảo vệ môi trường hạn chế phát thải khí nhà kính	Địa điểm: 04 thôn.	Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh về nội dung bảo vệ môi trường.	Hàng năm		Phụ nữ, Thanh niên, MTTQ
	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch (03 thôn: Hội An 1,2, An Thổ)	Địa điểm: 03 thôn: Hội An 1,2, An Thổ	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng		X	Kêu gọi đầu tư từ doanh nghiệp
	Xây dựng hệ thống cống bi để thu gom bao bì, vỏ thuốc BVTV, hạn chế gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước.	Địa điểm: 04 thôn.	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng	X		UBND xã
	Tăng cường đội ngũ cộng tác viên y tế thôn.	- Địa điểm: 04 thôn.	- Khảo sát, lập danh sách. - Quyết định tuyển dụng. - Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động	Hàng năm		UBND xã phối hợp với ngành y tế
	Hỗ trợ cơ sở thuốc và các trang thiết bị y tế.	- Địa điểm: 04 thôn.	- Khảo sát, lập dự toán - Vận động nguồn lực	Hàng năm		Trung tâm y tế dự phòng

			- Triển khai thực hiện			
Chăn nuôi, trồng trọt	Dự trữ nguồn thức ăn cho gia súc, gia cầm trong mùa mưa lũ	- Địa điểm: 04 thôn.	Tuyên truyền cho người dân dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trước mùa mưa lũ	Hàng năm		Hộ gia đình
	Nâng cao nhận thức cho người dân về kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm.	-Địa điểm: 04 thôn.	Tập huấn (02 lớp) về kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm.	Hàng năm		Hội Nông dân, UBND xã
	Cơ cấu lại giống cây trồng cho phù hợp với thời tiết ở địa phương thích ứng với BĐKH	Địa điểm: 04 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân	Chuyển đổi mô hình trồng cây đậu phộng và các loại hoa màu khác		x	UBND xã phối hợp phòng NN&PTN T
Hạ tầng công cộng (Kênh mương thủy lợi, đường giao thông)	Đầu tư, nâng cấp hệ thống kênh mương thủy lợi.	Địa điểm: 04 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân.	Kiên cố hoá 4.823 km kênh mương thủy lợi		x	Nhà nước
	Tổ chức nạo vét hệ thống kênh mương sau mùa mưa lũ.	- Địa điểm: 04 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân	- Xây dựng kế hoạch - Huy động nguồn lực - Vận động kinh phí - Triển khai thực hiện	Hàng năm		UBND xã, Hợp tác xã NN
	Nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng	Địa điểm: 04 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân.	Bê tông hoá 4,555 km đường giao thông nội đồng		x	Nhà nước các dự án
	Xây dựng 02 tuyến kênh thoát lũ Đồng Lau	Địa điểm: 02 thôn (An Thạch, An Thổ) - Đối tượng hưởng lợi: người dân.	- Khảo sát, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện		x	Nhà nước và dự án
	Lắp các dòng sông tạm, bị chia cắt sau dự án sông Thoá	Địa điểm: 02 thôn (An Thạch và An Thổ) - Đối tượng hưởng lợi: người dân	- Khảo sát, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện		x	Nhà nước

	Đầu tư hệ thống thoát nước dọc 2 bên tuyến tỉnh lộ 627B	Địa điểm: 04 thôn.	- Khảo sát, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện	Hàng năm		Nhà nước
Nuôi trồng, đánh bắt hải/ thủy sản (nuôi tôm)	Xử lý hồ nuôi, nguồn nước hợp vệ sinh	Địa điểm: 04 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: các hộ nuôi tôm	-Hướng dẫn cho người dân xử lý hồ nuôi theo đúng quy trình. -Hỗ trợ vay vốn cho các hộ đánh bắt xa bờ	X		Các hộ gia đình
Rừng	Giao rừng cho nhân dân quản lý và bảo vệ; Trồng bổ sung 16ha rừng phòng hộ trồng ở thôn An Thổ	Địa điểm: 04 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân.	-Giao 301 ha rừng phòng hộ cho cộng đồng dân cư và 11 hộ gia đình quản lý -Trồng bổ sung 16ha rừng -Tuyên truyền công tác PCCC, bảo vệ rừng cho người dân -Vận động các hộ dân trồng cây xanh xung quanh nhà để bảo vệ môi trường	X		Dự án GCF Các hộ dân UBND xã
Giáo dục	Nâng cao kiến thức PCTT, BDKH cho giáo viên và học sinh	Trường học	-Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH cho GV và HS. -Tổ chức truyền thông kiến thức PCTT, Giới, giới tính và nhạy cảm giới. -Tổ chức các hội thi tìm hiểu. -Xây dựng trường học an toàn. -Tập huấn sơ cấp cứu cho giáo viên, đội nòng cốt trong trường học. -XD góc giảm thiểu RRTT	Hàng năm		Nhà trường Dự án Hỗ trợ
Thông	Nâng cấp hệ	4/4 thôn :	-Khảo sát	X		-Dự án

tin truyền thông và cảnh báo sớm	thống loa truyền thanh đảm bảo 100% hộ dân được tiếp cận thông tin cảnh báo	(7 cụm loa) Người dân	- Vận động nguồn lực - Mua sắm, lắp đặt - Đưa vào sử dụng - Tuyên truyền vận động các hộ dân mua, sử dụng Radio - Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH cho người dân ở vùng nguy cơ cao (ưu tiên phụ nữ) - Tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH mỗi tháng 1 lần trên hệ thống loa truyền thanh, qua hội nghị - Tổ chức diễn tập PCTT, BDKH - Cắm biển cảnh báo những điểm có nguy cơ cao.			- UBND xã - Các hộ dân
----------------------------------	---	-----------------------	---	--	--	---------------------------

Trên đây là báo cáo kết quả đánh rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại xã Phổ An do nhóm hỗ trợ kỹ thuật & nhóm hỗ trợ cộng đồng của xã thực hiện tháng 6/2018./.

Nơi nhận:

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA Tỉnh (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN huyện
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VPUB xã.

**TM. NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT
TRƯỞNG NHÓM**

(Đã ký)

Huỳnh Thanh Thao
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ

E. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên	Đơn vị	Số điện thoại
1	Ông:Huỳnh Thanh Thao	PCT-UBND	0985177002
2	Ông: Nguyễn Bay	CT-UBMTTQ	0984165917
3	Bà:Hùynh Thị Lê	Văn Phòng TK xã	0986780318
4	Ông Huỳnh Tấn Ninh	CB Tư pháp hộ tịch	0985977313
5	Bà: lê Minh Dung	PCT-Hội Nông dân	0984186044
6	Bà: Phạm Thị Lộc	Cán bộ thương mại	01665649854
7	Ông: Phạm Quốc Đạt	Phó chỉ huy Quân sự	0868020211
8	Bà: Tô Thị Thanh Mùi	Chủ tịch Hội NN-CD-DC	0973639683
9	Bà: Đinh Thị Huê	Bí thư chi bộ Hội An 2	0979295591
10	Ông: Nguyễn Văn Thịnh	Trưởng thôn An Thạch	01645296772

Phụ lục 2: Một số hình ảnh tập huấn, đánh giá RRTT-DVCD

1.Tập huấn QLRRTT-DVCD cho nhóm HTKT và nhóm CD xã Phổ An



2.Thu thập thông tin tại cuộc họp cụm thôn



3.Hội nghị thông qua báo cáo đánh giá



